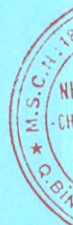


TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2024
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

Cơ quan chủ trì
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

Cần Thơ, Tháng 01 năm 2025



Số: 49/BC-NĐCT

Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ;
- UBND quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường (BVMT) số 72/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Nghị định Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Công ty Nhiệt điện Cần Thơ kính gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ ***“Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2024 của Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ”*** theo phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên (05 bản giấy);
- EVNGENCO2 (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KTAT.

*Sở tài nguyên và môi trường
ĐS nhận 14/01/2025
[Chữ ký]
Nguyễn Tấn Nhựt*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Lộc

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở: Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ
- Địa chỉ: 01, Lê Hồng Phong, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Điện thoại: 0292. 246. 8079
- Người đại diện: Ông Huỳnh Thanh Phong
- Địa điểm thực hiện của cơ sở: 01, Lê Hồng Phong, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.
- Loại hình: Sản xuất điện
- + Quy mô: 188 MW
- + Tần suất hoạt động: không thường xuyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ – Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần.
- Mã số thuế: 1800590430-008
- Giấy phép môi trường:
- + Giấy phép môi trường của Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ số 143/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên môi trường cấp ngày 15/05/2023;
- Khối lượng sản phẩm của năm 2024:
- Khối lượng sản phẩm của năm 2023: 12.965,0707 MWh
- Nhiên liệu dầu DO năm 2023: 3.787,118 tấn; nhiên liệu dầu FO năm 2023: 0 tấn
- Nhiên liệu dầu DO năm 2024: 577,451 tấn; nhiên liệu dầu FO năm 2024: 0 tấn
- Điện tiêu thụ năm 2023: 135,8273 MWh
- Điện tiêu thụ năm 2024: 21,7944 MWh
- Nước tiêu thụ của năm 2023: 207.655 m³
- Nước tiêu thụ của năm 2024: 83.853 m³

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

Hiện tại, nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy chủ yếu chỉ do tổ máy nhiệt điện hơi nước S4 phát thải. Tuy nhiên, trong năm 2024 tổ máy này không hoạt động, do đó lượng nước thải không nhiều cụ thể như sau:

- **Nước thải từ hệ thống khử khoáng:** Chủ yếu là nước thải của quá trình hoàn nguyên resin. Do đó, lượng nước thải này có giá trị pH không đạt quy định khi thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận cho nên lượng nước thải này sẽ được dẫn qua bể trung hòa để trung hòa pH về khoảng dao động từ $6 \div 9$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Trà Nóc.

Lưu lượng phát sinh khá ít, chỉ $1 \div 2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ khi hệ thống khử khoáng hoạt động.

- **Nước thải từ lò hơi:** Nước đầu vào lò hơi đã được xử lý khá tốt, khi vận hành lò hơi có bổ sung các hóa chất như: Na_3PO_4 , Hydrazine. Do đó, nước thải lò hơi khá tinh khiết, không bị nhiễm bẩn hữu cơ, nước thải này chỉ chứa cặn, vết NH_3 , Na_3PO_4 .

Lưu lượng nước thải phát sinh không nhiều và không thường xuyên, chỉ vào khoảng từ $2 \div 3 \text{ m}^3/\text{ca}$ làm việc khi nhà máy vận hành.

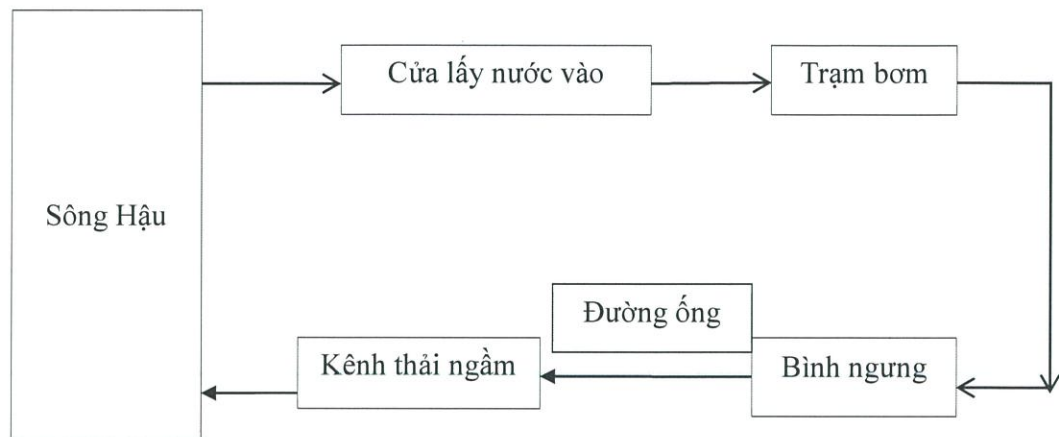
Trong năm 2024 tổ máy S4 ngừng dự phòng không có vận hành nên không có phát sinh nước thải từ hệ thống lò hơi.

- **Nước thải nhiễm dầu từ khu vực bồn chứa dầu:** Nước thải nhiễm dầu là do nước mưa chảy tràn trên các khu vực bồn chứa. Lưu lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh không ổn định và phụ thuộc theo thời tiết, chỉ phát sinh khi có mưa. Lượng nước mưa chảy tràn này sẽ được dẫn đến hố phân ly dầu bằng hệ thống thoát nước mưa trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu.

Nhà máy đã xây dựng hệ thống cống rãnh riêng biệt để thu gom lượng nước thải này về hệ thống xử lý phân ly dầu trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Hệ thống xử lý này áp dụng nguyên lý tuyển nổi phân ly để tách váng dầu, nhớt ra khỏi nước thải.

Trong năm 2024 tổ máy S4 ngừng dự phòng không có vận hành nên không phát sinh nước thải, chất lượng nước mưa sau hố phân ly dầu tốt, không có váng dầu.

- **Nước thải từ hệ thống giải nhiệt:** Nước lấy từ sông Hậu sau khi trao đổi nhiệt tại bình ngưng cho nước thải này qua kênh thải ngầm trước khi xả ra sông Trà Nóc và tại nơi hợp lưu, nhiệt độ nước thải chỉ cao hơn nước sông khoảng 1°C .



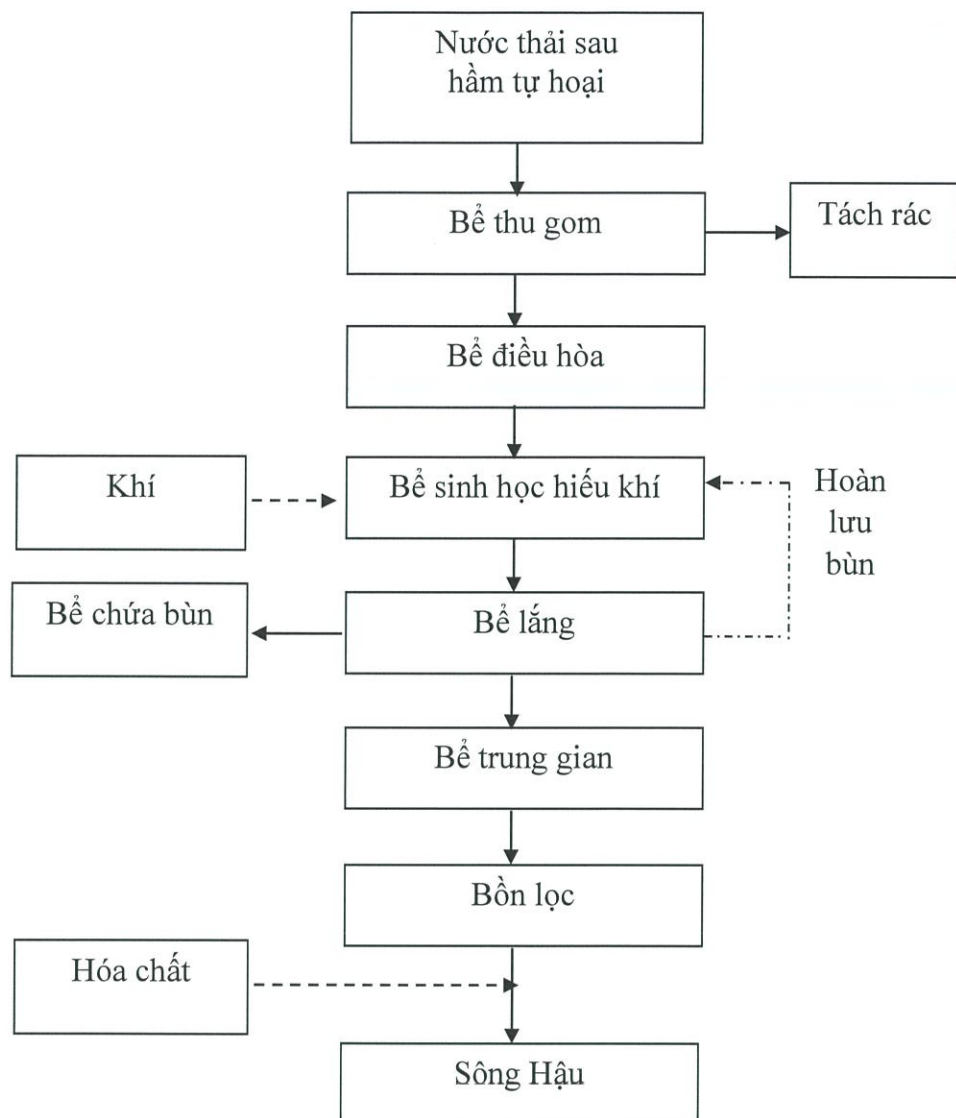
Hình 1. Sơ đồ toàn bộ hệ thống làm mát của Nhà máy

Lưu lượng nước thải từ hệ thống giải nhiệt của nhà máy là gần 288.000 m³/ngày đêm khi hoạt động hết công suất.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại Nhà máy:

Số liệu nước thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại công tơ đo là 78 m³;

Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sau khi qua hầm tự hoại được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu.



Hình 2. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Thuyết minh quy trình:

Bể thu gom: Nước thải sau xử lý tự hoại sẽ theo hệ thống cống thu gom đến hồ thu gom nước thải, tại đây lắp đặt song chắn rác để loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn, chất rắn này sẽ thu gom xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

Bể điều hòa: Nước thải sau khi qua bể thu gom được dẫn qua bể điều hòa. Bể này có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải.

Bể sinh học hiếu khí: Quá trình phân hủy sinh học hiếu khí sẽ phân giải chất hữu cơ thành các chất dinh dưỡng, giúp cho quá trình phát triển của vi sinh vật. Tại đây, không khí được tăng cường bằng máy thổi khí để cung ứng đủ lượng oxy cho vi sinh vật sống và phân hủy chất hữu cơ trong nước thải.

Bể lắng: Bùn được sinh ra từ quá trình phân hủy sinh học được lắng tại đây. Dòng nước thải được phân phối vào ống lắng trung tâm, bùn sẽ lắng xuống đáy và nước trong sẽ theo hệ thống máng thu nước. Bùn lắng được bơm hoàn lưu về bể sinh học hiếu khí.

Bể trung gian và bồn lọc: Toàn bộ nước thải sau khi tách bùn tại bể lắng sẽ được chứa tại bể trung gian, sau đó được bơm qua bể lọc. Bể lọc là thiết bị được làm bằng Inox với vật liệu lọc là sỏi và cát lọc. Tại đây các hạt cặn không thể lắng sẽ được giữ trên lớp vật liệu lọc và định kỳ rửa lọc để tách lớp cặn dính bám nhằm tăng hiệu quả xử lý và tránh tắc nghẽn bồn lọc.

Bể chứa bùn: Toàn bộ bùn từ bể lắng, một phần sẽ được tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí, một phần sẽ thu gom xử lý đúng quy định.

- Tổng lượng nước thải phát sinh như sau:

Bảng 1.1: Lưu lượng nước thải phát sinh

Nguồn phát sinh	Lưu lượng (m ³ /năm)
Nước thải sinh hoạt	78
Nước thải làm mát thiết bị	83.853
Tổng cộng	83.931

Ghi chú: Trong năm 2024, Tổ máy S4 NMNĐ Cần Thơ ngừng dự phòng.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1 Quan trắc định kỳ nước thải

1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1 - Quý I: Ngày 29 tháng 03 năm 2024;

+ Đợt 2 - Quý II: Ngày 30 tháng 05 năm 2024;

+ Đợt 3 - Quý III: Ngày 26 tháng 09 năm 2024;

+ Đợt 4 - Quý IV: Ngày 05 tháng 11 năm 2024.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Vị trí quan trắc: Nước thải tại vị trí cửa xả số 1 (Nước thải sinh hoạt)

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu/ 4 quý

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột A; K = 1)

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng, số Vimcerts 019 và Công ty Cổ phần dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu, số Vimcerts 117.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn:

Bảng 1.2: Kết quả phân tích mẫu nước thải tại vị trí cửa xả số 1 (Nước thải sinh hoạt)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc				QCVN 14:2008/ BTNMT, (Cột A, K = 1,2)
				Kinh độ	Vĩ độ			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
1.	Nước thải tại vị trí cửa xả số 1 (Nước thải sinh hoạt)	NTI	Quý 1: 29/03/2024 Quý 2: 30/05/2024 Quý 3: 26/09/2024 Quý 4: 05/11/2024	1116971	0578613	Đạt	pH	6,92	7,95	7,34	7,2	5-9
						Đạt	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C), (mg/L)	16	12	5	6	36
						Đạt	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS), (mg/L)	21,00	11,00	27	32	60
						Đạt	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N), (mg/L)	2,38	< 2,10	KPH	< 3	6
						Đạt	Hàm lượng Dầu mỡ động, thực vật (mg/L)	< 2,70	< 2,70	2,3	2,1	12
						Đạt	Hàm lượng Sunfua, (mg/L)	< 0,06	< 0,06	KPH	KPH	1,2
						Đạt	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), (mg/L)	0,85	0,89	2,8	3,5	36
						Đạt	Hàm lượng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), (mg/L)	0,09	0,08	< 0,09	0,09	7,2

11/01/2025 10:00:00

1.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1 - Quý I: Ngày 29 tháng 03 năm 2024;

+ Đợt 2 - Quý II: Ngày 30 tháng 05 năm 2024;

+ Đợt 3 - Quý III: Ngày 26 tháng 09 năm 2024;

+ Đợt 4 - Quý IV: Ngày 05 tháng 11 năm 2024.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A, $K_f=0,9$; $K_q=1,2$)

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng, số Vimcerts 019 và Công ty Cổ phần dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu, số Vimcerts 117.

Bảng 1.3 Kết quả phân tích mẫu nước thải tại bốn trung hòa

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc				QCVN40:2011/ BTNMT K _f =1; K _q =1,2
				Kinh độ	Vĩ độ			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
2.	Nước thải tại bốn trung hòa	NT2	Quý 1: 29/03/2024 Quý 2: 30/05/2024 Quý 3: 26/09/2024 Quý 4: 05/11/2024	1116908	0578600	Đạt	pH	7,69	8,87	8,96	6,6	6-9
						Đạt	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C), (mg/L)	13	25	5	6	36
						Đạt	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS), (mg/L)	19,50	16,50	20	22	60
						Đạt	Hàm lượng COD, (mg/L)	24	47	13	13	81
						Đạt	Hàm lượng tổng Nito (tính theo N), (mg/L)	8,41	6,72	< 9	< 9	21,6
						Đạt	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P), (mg/L)	0,15	0,23	0,10	0,10	4,32
						Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng, (mg/L)	< 2,70	< 2,70	1,9	1,2	5,4
						Đạt	Nhiệt độ, (°C)	29,1	30,3	30,5	29,1	40



Bảng 1.4 Kết quả phân tích mẫu nước mưa nhiễm dầu tại hố phân ly số 1,2,3,4,5 và 6

TT	Tên điểm quan trắc		Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc				QCVN 40:2011/ BTNMT K _f =1; K _q =1,2
	Nước mưa nhiễm dầu				Kinh độ	Vĩ độ				Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
4	Hố phân ly số 1	NT4	Quý 1: 29/03/2024	Quý 2: 30/05/2024 Quý 3: 26/09/2024 Quý 4: 05/11/2024	11116559	0578741	Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,70	3,80	< 0,9	< 0,9	6
	Hố phân ly số 2	NT5	Quý 2: 30/05/2024		11116609	0578710	Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,70	4,00	< 0,9	< 0,9	6
	Hố phân ly số 3	NT6	Quý 3: 26/09/2024		11116675	0578610	Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,70	3,80	< 0,9	< 0,9	6
	Hố phân ly số 4	NT7	Quý 4: 05/11/2024		11116715	0578564	Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,70	3,60	< 0,9	< 0,9	6
	Hố phân ly số 5	NT8			11116600	0578502	Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,70	3,40	< 0,9	< 0,9	6
	Hố phân ly số 6	NT9			11116600	0578459	Đạt	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	< 2,70	3,60	< 0,9	< 0,9	6

Nhận xét:

- Kết quả phân tích nước thải tại vị trí cửa xả số 1 (Nước thải sinh hoạt) có các chỉ tiêu phân tích đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (có tính đến hệ số $K=1,0$).
- Kết quả quan trắc Nước thải tại cửa số 2 (Bồn trung hòa) (NT3), Nước mưa nhiễm dầu (NT3, NT4, NT5, NT6, NT7, NT8 và NT9) cho thấy các chỉ tiêu đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_f = 1$ và $K_q = 1,2$.

1.2.2. Quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.2 Quan trắc nước thải và nước làm mát liên tục, tự động

a. Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải và nước làm mát tự động, liên tục

- Vị trí, địa điểm lắp đặt trạm

Hệ thống quan trắc nước thải tự động đặt tại vị trí có tọa độ như sau: X= 578520; Y= 1116537 Vị trí cụ thể được đánh dấu trong hình bên dưới



- Mô tả đặc điểm nguồn thải được giám sát: Nước thải sau khi xử lý được dẫn qua hệ thống ống dẫn để thải ra kênh thải hở. Trước khi xả ra kênh, nhà máy có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để theo dõi liên tục chất lượng nước trước khi xả ra môi trường.

- Tần suất thu nhận dữ liệu: Liên tục từng phút.

- Danh mục thông số quan trắc nước làm mát, so sánh giá trị online với giá trị từng đợt quan trắc: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, Clo dư.

- Thông tin về hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị online:

+ Đã hiệu chuẩn, kiểm định đầy đủ các chỉ tiêu của Trạm quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý, định kỳ 01 lần/năm.

+ Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định tiếp theo là ngày 01/11/2025.

b. Tình trạng hoạt động của trạm

- Các sự cố, nguyên nhân, cách khắc phục: Không có.

- Thời gian hệ thống online dừng hoạt động: Hệ thống luôn vận hành liên tục, tuy nhiên do Nhà máy ngừng dự phòng nên các giá trị đo thể hiện bằng 0.

- Thống kê mức độ đầy đủ của các kết quả quan trắc.

Bảng 1.5: Bảng thống kê số liệu quan trắc Nước làm mát

STT	Thông số	Đơn vị	Số giá trị quan trắc theo thiết kế	Số giá trị quan trắc nhận được	Số giá trị quan trắc lỗi/bất thường	Tỷ lệ số liệu nhận được so với giá trị thiết kế (%)	Tỷ lệ số liệu lỗi/bất thường so với giá trị nhận được (%)
1	Nhiệt độ	°C	105.120	105.120	0	100%	0,0000%
2	Clo	—	105.120	105.120	0	100%	0,0000%
3	pH	mg/L	105.120	105.120	0	100%	0,0000%
4	Lưu lượng đầu vào	mg/L	105.120	105.120	0	100%	0,0000%
7	Lưu lượng đầu ra	m ³ /h	105.120	105.120	0	100%	0,0000%

Ghi chú: Giá trị quan trắc được ghi nhận liên tục theo 05 phút.

Bảng 1.6: Thống kê các sự cố tại các trạm và biện pháp khắc phục của Nước làm mát

Tên sự cố	Thời gian	Nguyên nhân và biện pháp khắc phục đã được áp dụng
Không có sự cố thiết bị của hệ thống	-	Không có lỗi bất thường

c. Nhận xét kết quả quan trắc

- Tính toán giá trị quan trắc trung bình 1 giờ
- So sánh giá trị trên với QCVN: Các giá trị quan trắc ghi nhận khi xả thải đều đạt quy chuẩn thải
- Thống kê các ngày có giá trị vượt QCVN: Không có
- Số liệu quan trắc cao bất thường cần lý giải tại sao: Không có
- Thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt QCVN

Bảng 1.7: Thống kê số giá trị quan trắc trung bình 1 giờ vượt giới hạn QCVN của Nước làm mát

TT	Thông số	Đơn vị	Số ngày có giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Số giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN	Tỷ lệ giá trị trung bình 1 giờ vượt QCVN (%)
1	Nhiệt độ	°C	-	-	-
2	Clo	—	-	-	-
3	pH	mg/L	-	-	-
4	Lưu lượng đầu vào	mg/L	-	-	-
7	Lưu lượng đầu ra	m ³ /h	-	-	-

Ghi chú: Trong năm 2024, khi nhà máy vận hành hệ thống xử lý nước làm mát hoạt động chạy xả thải ra ngoài môi trường, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn.

d. Kết luận

Trong năm 2024, tổ máy S4 NMNĐ Cần Thơ ngừng dự phòng nên nước làm mát phát sinh không đáng kể, chủ yếu là nước làm mát chạy định kỳ thiết bị, nước PCCC và tưới cỏ.

Ngay tại thời điểm lấy mẫu quan trắc, nhà máy ngừng dự phòng, không có hoạt động xả thải ra ngoài môi trường. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian xả thải ra ngoài môi trường, nồng độ các thông số luôn đạt tiêu chuẩn so với QCVN 40:2011/BTNMT theo đúng quy định.

Ghi chú: Vào ngày 17/12/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường đã đến NMNĐ Cần Thơ niêm phong tủ quan trắc tự động, liên tục theo công văn số 584/CCBVMT ngày 16/12/2024 V/v thông báo lịch kiểm tra kết nối dữ liệu của hệ thống quan trắc tự động, liên tục.

1.3 Kết quả quan trắc nước mặt

- Thời gian quan trắc:
 - + Đợt 1 - Quý I: Ngày 29 tháng 03 năm 2024;
 - + Đợt 2 - Quý II: Ngày 30 tháng 05 năm 2024;
 - + Đợt 3 - Quý III: Ngày 26 tháng 09 năm 2024;
 - + Đợt 4 - Quý IV: Ngày 05 tháng 11 năm 2024.
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần
- Vị trí quan trắc: Nước sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về hạ lưu (chợ Trà Nóc) và Nước sông Hậu cách điểm xả 200m về hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội)
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Bảng 1 – Mức A, Bảng 2)

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng, số Vimcerts 019 và Công ty Cổ phần dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu, số Vimcerts 117.

Bảng 1.5 Kết quả phân tích mẫu nước mặt trên sông Trà Nóc: Cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (chợ Trà Nóc) - NM1

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc				QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Bảng 1 -Mức A Bảng 2)
				Kinh độ	Vĩ độ			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
1.	Nước sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về hạ lưu (chợ Trà Nóc)	NM1	Quý 1: 29/03/2024 Quý 2: 30/05/2024 Quý 3: 26/09/2024 Quý 4: 05/11/2024	1117724	0578539	Đạt	pH	7,26	7,26	7,20	6,9	6-8,5
						Đạt	DO, (mg/L)	6,18	7,14	5,36	5,2	≥ 5
						Không đạt	TSS, (mg/L)	17,50	25,00	25	21	≤ 25
						Không đạt	COD, (mg/L)	12	13	13	13	≤ 10
						Không đạt	BOD ₅ (ở 20°C), (mg/L)	6	6	5	6	≤ 4
						Không đạt	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N), (mg/L)	0,07	0,09	0,42	0,84	0,3
						Đạt	Clorua, (mg/L)	65,23	65,23	13,6	14,3	250
						Đạt	Florua, (mg/L)	< 0,42	< 0,42	KPH	0,09	1
						Đạt	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N), (mg/L)	< 0,03	< 0,03	0,15	KPH	0,05
						Đạt	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), (mg/L)	0,52	0,76	0,96	0,49	-

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024

[illegible]

					Không đạt	Tổng số Coliform, (MPN/100mL)	$4,0 \times 10^2$	$7,9 \times 10^3$	20	20	≤ 1.000
--	--	--	--	--	-----------	-------------------------------	-------------------	-------------------	----	----	--------------

Bảng 1.6 Kết quả phân tích mẫu nước mặt trên sông Hậu: Cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội) – NM2

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Thông số quan trắc	Kết quả quan trắc				QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Bảng 1 -Mức A Bảng 2)
				Kinh độ	Vĩ độ			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	
2.	Nước sông Hậu cách điểm xả 200m về hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội)	NM2	Quý 1: 29/03/2024	1116818	0579435	Đạt	pH	7,14	7,35	7,82	6,8	6-8,5
			Quý 2: 30/05/2024			Đạt	DO, (mg/L)	6,27	6,85	5,10	5,7	≥ 5
			Quý 3: 26/09/2024			Không đạt	TSS, (mg/L)	17,00	18,00	27	22	≤ 25
			Quý 4: 05/11/2024			Không đạt	COD, (mg/L)	13	13	16	13	≤ 10
						Không đạt	BOD ₅ (ở 20°C), (mg/L)	6	6	6	5	≤ 4
						Đạt	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N), (mg/L)	0,08	0,08	0,56	0,84	0,3
						Đạt	Clorua, (mg/L)	64,16	63,46	12,7	14,2	250
						Đạt	Florua, (mg/L)	< 0,42	< 0,42	KPH	0,08	1
						Đạt	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N), (mg/L)	< 0,03	< 0,03	KPH	KPH	0,05
						Đạt	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), (mg/L)	0,74	0,99	1,06	0,45	-

[illegible]

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện
- MDL: giới hạn phát hiện
- ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- QCVN 08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Nhận xét:

- Dựa vào các kết quả quan trắc nước mặt năm 2024 ta thấy tất cả các chỉ tiêu trong nước mặt tại các vị trí quan trắc đều thấp hơn QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Bảng 1 – Mức A, Bảng 2).

- Ngoài trừ một số chỉ tiêu của Nước mặt tại sông Trà Nóc vượt trị số cho phép, cụ thể như sau:

+ **Điểm quan trắc Nước sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về hạ lưu (chợ Trà Nóc):** COD (Quý 1, Quý 2, Quý 3 và Quý 4), BOD₅ (Quý 1, Quý 2, Quý 3 và Quý 4), Amoni (Quý 3 và Quý 4), Nitrit (Quý 3 và Quý 4) và Sắt (Quý 3 và Quý 4) và Coliform (Quý 2) do điểm quan trắc nước mặt cách điểm xả thải của Nhà máy 100m về phía thượng nguồn và hạ nguồn vượt tiêu chuẩn do bị ô nhiễm là từ các nguồn xung quanh.

+ **Điểm quan trắc Nước sông Hậu cách điểm xả 200m về hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội):** TSS (Quý 3), COD (Quý 1, Quý 2, Quý 3 và Quý 4), BOD₅ (Quý 1, Quý 2, Quý 3 và Quý 4), Amoni (Quý 3 và Quý 4), Sắt (Quý 3) và Coliform (Quý 2) do điểm quan trắc nước mặt cách điểm xả thải của Nhà máy 100m về phía thượng nguồn và hạ nguồn vượt tiêu chuẩn do bị ô nhiễm là từ các nguồn xung quanh.

2. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Đối với tổ máy S4 của NMNĐ Cần Thơ được xây dựng từ năm 1973 và đưa vào vận hành năm 1975 với công suất thiết kế là 33 MW, vận hành bằng dầu FO nên chi phí rất cao. Bên cạnh đó, 04 tuabin khí GT1, GT2, GT3 và GT4 vận hành bằng dầu DO, tuy nhiên chỉ được huy động vào các thời điểm thiếu hụt điện trầm trọng, hoạt động theo sự điều phối bởi Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, các tổ máy thường xuyên ngừng dự phòng.

Trong năm 2024 tổ máy S4 ngừng dự phòng, nên không có kết quả quan trắc định kỳ đối với khói thải S4.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

Trong năm 2024, do Nhà máy ngừng dự phòng nên không phát sinh khí thải.

2.2.1 Quan trắc định kỳ mẫu không khí

Do Giấy phép môi trường số 143/GP-BTNMT cấp ngày 15/05/2023 không phải quan trắc không khí xung quanh.

2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở “Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ” hoạt động với tổng công suất phát điện là 183 MW, Nhà máy sử dụng nhiên liệu dầu DO để vận hành các TBK GT1, GT2, GT3, GT4 và sử dụng dầu FO để vận hành tổ máy S4 (công suất 33MW) (tổ máy S4 thuộc Cột 6 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ). Nên Cơ sở thuộc trường hợp phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động hệ thống bụi, khí thải của hoặc quan trắc định kỳ.

3. Về quản lý chất thải rắn

Lượng chất thải phát sinh được thống kê trong các bảng sau:

Bảng 3.1: Thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (m ³)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (m ³)
1	Chất thải sinh hoạt	25,758	Công ty Cổ phần đô thị Cần Thơ	27,984

Bảng 3.2: Thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Sắt thép phế liệu	150	Đang lưu kho tại Công ty	160
	Tổng khối lượng	150		160

Bảng 3.3: Thống kê khối lượng chất thải nguy hại

TT	Nhóm CTNH	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Vật liệu cách nhiệt có chứa amiang thải	11 06 01	108	ĐK	Công ty TNHH Thương mại và xây dựng An Sinh và Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy	0
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	44	HTXLBĐ		0
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải là CTNH hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	38	SR,NT,TC		679
4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	0	Xúc rửa - TC		507

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024

TT	Nhóm CTNH	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần chất thải nguy hại.	18 02 01	420	TĐ		1.046
6	Pin, Ắc quy thải	16 01 12	175	PD,PT,TC		1.290
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	0	TĐ		236
	Tổng cộng		785			3.758

Ghi chú:

- TC (Tận thu/tái chế), PT (Phân tích/chiết/lọc/kết tủa), OH (Oxi hóa), ĐX (Đồng xử lý), TĐ (Thiêu đốt), HR (Hóa rắn), C (Chôn lấp), HTXLBĐ (Hệ thống xử lý bóng đèn).

- Trong năm 2024, NMNĐ Cần Thơ đã chuyển giao cho Đơn vị có chức năng xử lý CTNH là 01 đợt (đính kèm 01 liên chứng từ CTNH).

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

- + Thu gom, phân loại và quản lý CTNH đúng theo quy định của pháp luật.
- + Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH và chất thải rắn thông thường.
- + Lưu giữ các liên chứng từ theo quy định.
- + Báo cáo tình hình lưu trữ CTNH quá 01 năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường TP Cần Thơ theo đúng quy định (nếu có).

4. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của NMNĐ Cần Thơ và đã được Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ phê duyệt theo Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 05/07/2010.

Đã xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của NMNĐ Cần Thơ và đã được Sở Công thương Thành phố Cần Thơ xác nhận tại Văn bản số 10/XN-SCT ngày 27/8/2014.

4.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau

- Diễn tập Ứng phó sự cố hóa chất (Clo) 01 lần/năm:

+ Ngày 22/11/2024.

- Diễn tập Ứng phó sự cố tràn dầu 02 lần/ năm:

+ Lần 1: Ngày 21/06/2024;

+ Lần 2: Ngày 03/12/2024.

5. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thẩm tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)

Không có

PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Kết quả phân tích mẫu;
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 19) của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 27 tháng 10 năm 2023;
3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 117) của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 13 tháng 11 năm 2023.
4. Giấy phép môi trường của Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ số 143/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên môi trường cấp ngày 15/05/2023;
5. Hợp đồng Quan trắc môi trường số 24/2023/HĐ-Catech và Hợp đồng số 15/2024/HĐ/NĐCT-HA;
6. Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và bùn thải số 19/2023/HĐ-NĐCT-AH và Hợp đồng số 23/2024/HĐ-NĐCT-AS.
7. Chứng từ Chất thải nguy hại;
8. Hợp đồng Dịch vụ vệ sinh số 02/2024/HĐDV.BT;
9. Biên bản bàn giao CTR sinh hoạt;

PHỤ LỤC

THÔNG TIN CHUNG	2
PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	3
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải	3
1.1. Xử lý nước thải	3
1.2. Kết quả quan trắc nước thải	6
1.2.1 Quan trắc định kỳ nước thải	6
1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt	6
1.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp	9
1.2.2. Quan trắc nước thải tự động, liên tục	14
1.3 Kết quả quan trắc nước mặt	16
2. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với khí thải	23
2.1. Xử lý khí thải	23
2.2. Kết quả quan trắc khí thải	23
2.2.1 Quan trắc định kỳ mẫu không khí	23
2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục	23
3. Về quản lý chất thải rắn	24
4. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	25
4.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường..	25
4.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau	26
5. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thẩm tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)	26
PHỤ LỤC KÈM THEO.....	27

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

PTN/Số: HA.24.05894.1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước thải



Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.1	Nước thải 1 (Nước thải sinh hoạt)	10°5'54" 105°43'46"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Ngà hơi đục

- Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
- Ngày trả kết quả: 03/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TDS ^(*)	mg/L	HD – TDS	0 – 2799 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
5	Amoni (N_NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
6	Nitrat (N_NO ₃ ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E: 2017	0,02 mg/L
7	Phosphate (P_PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
8	Sulfua (S ²⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,015 mg/L
9	Dầu mỡ động thực vật ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
10	Chất hoạt động bề mặt ^(*)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	0,03 mg/L
11	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A k=1,2
			HA.24.05894.1	
1.	pH ^(*) (a)	--	7,34	5 – 9
2.	TDS ^(*)	mg/L	116	600
3.	TSS ^(*) (a)	mg/L	27	60
4.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	5	36
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	KPH	6
6.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*)	mg/L	2,8	36
7.	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,09	7,2
8.	Sulfua (S ²⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	1,2
9.	Dầu mỡ động thực vật ^(*) (a)	mg/L	2,3	12
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(*)	mg/L	<0,09	6
11.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	460	3000

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Phòng Thử Nghiệm

ThS. Tạ Duy Phương
Giám đốc

Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.9

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.9	Nước thải 1 (Nước thải sinh hoạt)	10°5'57" 105°43'10"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Nga

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TDS ^(*)	mg/L	HD – TDS	0 – 2799 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
5	Amoni (N_NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
6	Nitrat (N_NO ₃ ⁻) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E: 2017	0,02 mg/L
7	Phosphate (P_PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
8	Sulfua (S ²⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,015 mg/L
9	Dầu mỡ động thực vật ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
10	Chất hoạt động bề mặt ^(*)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	0,03 mg/L
11	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A k=1,2
			HA.24.06573.9	
1.	pH ^(*) _(a)	--	7,2	5 – 9
2.	TDS ^(*)	mg/L	109	600
3.	TSS ^(*) _(a)	mg/L	32	60
4.	BOD ₅ ^(*) _(a)	mg/L	6	36
5.	Amoni (N ₋ NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	<3	6
6.	Nitrat (N ₋ NO ₃ ⁻) ^(*)	mg/L	3,5	36
7.	Phosphate (P ₋ PO ₄ ³⁻) ^(*) _(a)	mg/L	0,09	7,2
8.	Sulfua (S ²⁻) ^(*) _(a)	mg/L	KPH	1,2
9.	Dầu mỡ động thực vật ^(*) _(a)	mg/L	2,1	12
10.	Chất hoạt động bề mặt ^(*)	mg/L	<0,09	6
11.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	110	3000

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Phòng Thử Nghiệm

ThS. Tạ Duy Phương
Giám đốc


Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Số: 182903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 2 (Nước thải sau bồn trung hòa)
Tọa độ: 0578648/1116956
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,69 (tại 29,1°C)	6 - 9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	13	36
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	19,50	60
4	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	17,88	50
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24	90
6	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	8,41	24
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,15	4,8
8	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với K_q = 1,2; K_f = 1) (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



ISO/IEC 17025

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:053005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 2 (Nước thải sau bồn trung hòa)
Tọa độ: 0578648/1116956
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 -08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	8,87 (tại 30,3°C)	6 - 9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	25	36
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	16,50	60
4	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	20,44	50
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	47	90
6	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,72	24
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,23	4,8
8	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với K_q = 1,2; K_f = 1) (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.2

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.2	Nước thải 2 (Nước thải sau bồn trung hòa)	10°5'53" 105°46'5"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi xanh lá

4. Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
5. Ngày trả kết quả: 03/10/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^(*)	°C	SMEWW 2550B:2017	4 – 50°C
2	pH ^(*)/a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
3	Độ màu ^(*)/a)	Pt – Co	TCVN 6185:2015	7 Pt – Co
4	TSS ^(*)/a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
5	BOD ₅ ^(*)/a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
6	COD ^(*)/a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
7	Amoni (N ₂ -NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
8	Clo dư ^(*)/a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	0,3 mg/L
9	Florua (F ⁻) ^(*)/a)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ ,B&D:2017	0,1 mg/L
10	Sulfua (S ²⁻) ^(*)/a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ -B&D:2017	0,015 mg/L
11	Tổng Nito ^(*)/a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
12	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
13	Dầu khoáng ^(*)/a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
14	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.2	
1.	Nhiệt độ ^(*)	°C	30,5	40
2.	pH ^(*) (a)	--	8,96	6 – 9
3.	Độ màu ^(*) (a)	Pt – Co	35	50
4.	TSS ^(*) (a)	mg/L	20	60
5.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	5	36
6.	COD ^(*) (a)	mg/L	13	90
7.	Amoni (N _{NH4} ⁺) ^(*)	mg/L	KPH	6
8.	Clo dư ^(*) (a)	mg/L	<0,9	1,2
9.	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,3	6
10.	Sulfua (S ²⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,045	0,24
11.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	<9	24
12.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	0,10	4,8
13.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	1,9	6
14.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	KPH	3000

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương

Giám đốc



Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.10

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.10	Nước thải 2 (Nước thải sau bồn trung hòa)	10°5'57" 105°46'8"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hời ngà 030938, CÔNG T CỔ PHẢ DỊCH VỤ T MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU QUẬN 12 - TP. HỒ

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^(*)	°C	SMEWW 2550B:2017	4 – 50°C
2	pH ^{(*)(a)}	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
3	Độ màu ^{(*)(a)}	Pt – Co	TCVN 6185:2015	7 Pt – Co
4	TSS ^{(*)(a)}	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
5	BOD ₅ ^{(*)(a)}	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
6	COD ^{(*)(a)}	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
8	Clo dư ^{(*)(a)}	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2017	0,3 mg/L
9	Florua (F ⁻) ^{(*)(a)}	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ ,B&D:2017	0,1 mg/L
10	Sulfua (S ²⁻) ^{(*)(a)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ ,B&D:2017	0,015 mg/L
11	Tổng Nito ^{(*)(a)}	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
12	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
13	Dầu khoáng ^{(*)(a)}	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
14	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.10	
1.	Nhiệt độ ^(*)	°C	29,1	40
2.	pH ^(*) (a)	--	6,6	6 – 9
3.	Độ màu ^(*) (a)	Pt – Co	38	50
4.	TSS ^(*) (a)	mg/L	22	60
5.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	6	36
6.	COD ^(*) (a)	mg/L	13	90
7.	Amoni (N ₂ NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	KPH	6
8.	Clo dư ^(*) (a)	mg/L	<0,9	1,2
9.	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,3	6
10.	Sulfua (S ²⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,045	0,24
11.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	<9	24
12.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	0,10	4,8
13.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	1,2	6
14.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	KPH	3000

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm

ThS. Tạ Duy Phương

Giám đốc

Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



Số: 212903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 1 (Tại hồ phân ly số 1)
Tọa độ: 0578741/1116559
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với K_q = 1,2; K_f = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:083005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 1 (Tại hồ phân ly số 1)
Tọa độ: 0578741/1116559
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,80	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.4	Nước mưa nhiễm dầu 1 (Tại hố phân số 1)	10°5'59" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
5. Ngày trả kết quả: 03/10/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.4	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng

Giám đốc



Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.3	Nước mưa nhiễm dầu 1 (Tại hố phân số 1)	10°6'0" 105°43'7"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.3	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phụng****Giám đốc****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



Số:222903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 2 (Tại hồ phân ly số 2)
Tọa độ: 0578710/1116609
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

Ký GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 093005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 2 (Tại hồ phân ly số 2)
Tọa độ: 0578710/1116609
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,00	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K/ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: **Nước thải**

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.5	Nước mưa nhiễm dầu 2 (Tại hố phân số 2)	10°5'59" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
5. Ngày trả kết quả: 03/10/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.5	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.4	Nước mưa nhiễm dầu 2 (Tại hồ phân số 2)	10°6'0" 105°43'7"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.4	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phụng****Giám đốc****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 232903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 3 (Tại hố phân ly số 3)
Tọa độ: 0578610/1116675
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:103005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 3 (Tại hồ phân ly số 3)
Tọa độ: 0578610/1116675
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,80	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

NGƯỜI GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.6

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.6	Nước mưa nhiễm dầu 3 (Tại hố phân số 3)	10°5'59" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

- Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
- Ngày trả kết quả: 03/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.6	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phương****Thái Lê Nguyên**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.5	Nước mưa nhiễm dầu 3 (Tại hố phân số 3)	10°6'0" 105°43'7"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024 Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024
5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.5	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương



Giám đốc



Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 242903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 4 (Tại hồ phân ly số 4)
Tọa độ: 0578564/1116715
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 113005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 4 (Tại hồ phân ly số 4)
Tọa độ: 0578564/1116715
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

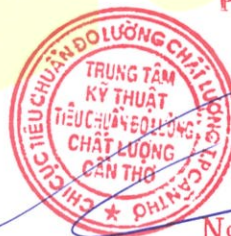
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,60	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.7

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.7	Nước mưa nhiễm dầu 4 (Tại hố phân số 4)	10°5'59" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hoi ngà

- Ngày lấy mẫu: 26/09/2024
- Ngày trả kết quả: 03/10/2024
- Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.7	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phụng****Thái Lê Nguyên**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.6

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.6	Nước mưa nhiễm dầu 4 (Tại hố phân số 4)	10°6'2" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.6	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng



Giám đốc

Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 252903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 5 (Tại hồ phân ly số 5)
Tọa độ: 0578502/1116660
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KÝ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:123005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 5 (Tại hồ phân ly số 5)
Tọa độ: 0578502/1116660
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,40	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.8

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.8	Nước mưa nhiễm dầu 5 (Tại hố phân số 5)	10°5'59" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

- Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
- Ngày trả kết quả: 03/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.8	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phương****Giám đốc****Thái Lê Nguyên**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.7

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.7	Nước mưa nhiễm dầu 5 (Tại hố phân số 5)	10°6'2" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.7	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phương****Giám đốc****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 262903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 6 (Tại hồ phân ly số 6)
Tọa độ: 0578459/1116600
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần
Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:133005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mưa nhiễm dầu 6 (Tại hồ phân ly số 6)
Tọa độ: 0578459/1116600
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 01 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,60	6

Ghi chú: - (*) QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với Kq = 1,2; Kf = 1 (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KS, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.9

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.9	Nước mưa nhiễm dầu 6 (Tại hố phân số 6)	10°5'59" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
5. Ngày trả kết quả: 03/10/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.05894.9	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng



Giám đốc



Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.8

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.8	Nước mưa nhiễm dầu 6 (Tại hố phân số 6)	10°6'2" 105°43'6"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Hơi ngà

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A kq=1,2; kf=1
			HA.24.06573.8	
1.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	<0,9	6

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phụng****Giám đốc****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



ISO/IEC 17025

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số:192903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 1 (Trên sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (chợ Trà Nóc))
Tọa độ: 0578539/1117724
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,26 (tại 29,2°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	6,18	≥ 6
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	17,50	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	65,23	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	< 0,42 ^(a)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 08-MT:2023/BTNMT – Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



ISO/IEC 17025

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 063005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 1 (Trên sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (chợ Trà Nóc))
Tọa độ: 0578539/1117724
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,26 (tại 28,9°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	7,14	≥ 6
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	25,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,09	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	61,33	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	< 0,42 ^(a)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 08-MT:2023/BTNMT – Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05894.11

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước mặt

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05894.11	Nước mặt 1 (Trên sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (chợ Trà Nóc))	10°8'24" 105°40'17"	TCVN 5994 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016, TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 6663 – 6:2018, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Ngà đục

- Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
- Ngày trả kết quả: 03/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	DO ^(*)	mg/L	TCVN 7325:2016	0 – 16 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,5 mg/L
5	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1,0 mg/L
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&F:2017	0,015 mg/L
7	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,007 mg/L
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
9	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
11	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
12	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
13	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
14	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
15	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
16	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,06 mg/L
17	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
18	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	1,7 µg/L
19	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	0,5 µg/L
20	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
21	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3112B:2017	0,25 µg/L
22	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	3 µg/L
23	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3500-Cr,B:2017	2 µg/L
24	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
25	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.05894.11	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
1.	pH ^(*) (a)	--	7,20	--	6,5 - 8,5
2.	DO ^(*)	mg/L	5,36	--	≥ 6,0
3.	TSS ^(*) (a)	mg/L	25	--	≤ 25
4.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	5	--	≤ 4
5.	COD ^(*) (a)	mg/L	13	--	≤ 10
6.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	0,42	0,3	--
7.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,15	0,05	--
8.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,96	--	--
9.	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,14	--	--
10.	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,01	--
11.	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	13,6	250	--
12.	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	1	--
13.	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	2,81	0,5	--
14.	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	0,09	0,1	--
15.	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
16.	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	<0,06	0,5	--
17.	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
18.	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	9,4	20	--

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.05894.11	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
19.	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	KPH	5	--
20.	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	KPH	10	--
21.	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	KPH	1	--
22.	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	18,5	50	--
23.	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	KPH	10	--
24.	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	<0,9	5,0	--
25.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	20	--	≤ 1.000

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

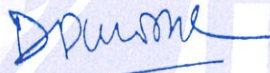
^(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

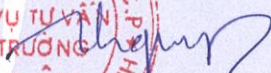
Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phượng

Giám đốc



Thái Lê Nguyên



HAIAU ENVIRONMENTAL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PTN/Số: HA.24.06573.1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước mặt

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.1	Nước mặt 1 (Trên sông Trà Nóc cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (chợ Trà Nóc))	10°8'24" 105°40'17"	TCVN 5994 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016, TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 6663 – 6:2018, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Ngà đục

- Ngày lấy mẫu: 06/11/2024 Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024
- Ngày trả kết quả: 13/11/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	DO ^(*)	mg/L	TCVN 7325:2016	0 – 16 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,5 mg/L
5	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1,0 mg/L
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&F:2017	0,015 mg/L
7	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,007 mg/L
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
9	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
11	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
12	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
13	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
14	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
15	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
16	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,06 mg/L
17	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
18	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	1,7 µg/L
19	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	0,5 µg/L
20	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
21	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3112B:2017	0,25 µg/L
22	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	3 µg/L
23	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3500-Cr,B:2017	2 µg/L
24	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
25	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.06573.1	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
1.	pH ^(*) (a)	--	6,9	--	6,5 - 8,5
2.	DO ^(*)	mg/L	5,2	--	≥ 6,0
3.	TSS ^(*) (a)	mg/L	21	--	≤ 25
4.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	6	--	≤ 4
5.	COD ^(*) (a)	mg/L	13	--	≤ 10
6.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	0,84	0,3	--
7.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,05	--
8.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,49	--	--
9.	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,09	--	--
10.	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,01	--
11.	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	14,3	250	--
12.	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,09	1	--
13.	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	2,5	0,5	--
14.	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	0,11	0,1	--
15.	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
16.	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	<0,06	0,5	--
17.	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
18.	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	8,5	20	--

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.06573.1	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
19.	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	KPH	5	--
20.	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	KPH	10	--
21.	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	KPH	1	--
22.	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	17,1	50	--
23.	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	KPH	10	--
24.	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	<0,9	5,0	--
25.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	20	--	1.000

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Phòng Thử Nghiệm

D. Phuong

ThS. Tạ Duy Phương

Giám đốc



Thái Lê Nguyên
Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Số: 202903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 2 (Trên sông Hậu cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội))
Tọa độ: 0579435/1116818
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,14 (tại 29,2°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	6,27	≥ 6
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	17,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,08	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	64,16	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	< 0,42 ^(a)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 08-MT:2023/BTNMT – Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.



ISO/IEC 17025

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 073005/MT/013005/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 2 (Trên sông Hậu cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội))
Tọa độ: 0579435/1116818
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,35 (tại 29,4°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	6,85	≥ 6
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,08	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	63,46	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	< 0,42 ^(a)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 08-MT:2023/BTNMT – Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KP GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG
CẦN THƠ

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PTN/Số: HA.24.05895.8

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN Ô MÔN**
Khu vực Thới Lợi, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ
- Loại mẫu: Nước mặt

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.05895.8	Nước mặt 2 (Nước sông Hậu cách điểm xả 100m về phía hạ lưu)	10°8'11" 105°40'22"	TCVN 5994 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016, TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 6663 – 6:2018, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Cam đục

- Ngày lấy mẫu: 26/09/2024 Thời gian thử nghiệm: 26/09/2024 - 03/10/2024
- Ngày trả kết quả: 03/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	DO ^(*)	mg/L	TCVN 7325:2016	0 – 16 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,5 mg/L
5	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1,0 mg/L
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&F:2017	0,015 mg/L
7	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,007 mg/L
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
9	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
11	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
12	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
13	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
14	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
15	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
16	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,06 mg/L
17	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
18	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	1,7 µg/L
19	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	0,5 µg/L
20	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
21	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3112B:2017	0,25 µg/L
22	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	3 µg/L
23	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3500-Cr,B:2017	2 µg/L
24	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
25	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.05895.8	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
1.	pH ^(*) (a)	--	7,35	--	6,5 - 8,5
2.	DO ^(*)	mg/L	5,12	--	≥ 6,0
3.	TSS ^(*) (a)	mg/L	25	--	≤ 25
4.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	5	--	≤ 4
5.	COD ^(*) (a)	mg/L	13	--	≤ 10
6.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	0,42	0,3	--
7.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,05	--
8.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,59	--	--
9.	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,09	--	--
10.	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,01	--
11.	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	9,6	250	--
12.	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,07	1	--
13.	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	5,33	0,5	--
14.	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	0,18	0,1	--
15.	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
16.	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	<0,06	0,5	--
17.	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
18.	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	14,8	20	--

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.05895.8	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
19.	Cadimi (Cd) ^(*) (^a)	µg/L	KPH	5	--
20.	Asen (As) ^(*) (^a)	µg/L	KPH	10	--
21.	Thủy ngân (Hg) ^(*) (^a)	µg/L	KPH	1	--
22.	Tổng Crom ^(*) (^a)	µg/L	91,7	50	--
23.	Crom (VI) ^(*) (^a)	µg/L	KPH	10	--
24.	Tổng dầu mỡ ^(*) (^a)	mg/L	KPH	5,0	--
25.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	240	--	≤ 1.000

Ghi chú: ^(*): Chi tiêu được chứng nhận Vimcerts

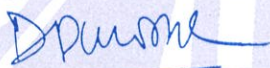
^(a) : Chi tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương

Giám đốc



Thái Lê Nguyên

PTN/Số: HA.24.06573.2

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 – CÔNG TY CỔ PHẦN**
2. Địa điểm lấy mẫu: **NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**
01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
3. Loại mẫu: Nước mặt

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.06573.2	Nước mặt 2 (Trên sông Hậu: Cách điểm xả 200m về phía hạ lưu (qua kho xăng dầu quân đội))	10°8'9" 105°40'40"	TCVN 5994 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016, TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 6663 – 6:2018, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Ngà đục

4. Ngày lấy mẫu: 06/11/2024

Thời gian thử nghiệm: 06/11/2024 - 13/11/2024

5. Ngày trả kết quả: 13/11/2024

6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	DO ^(*)	mg/L	TCVN 7325:2016	0 – 16 mg/L
3	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
4	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,5 mg/L
5	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	1,0 mg/L
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&F:2017	0,015 mg/L
7	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,007 mg/L
8	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
9	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
11	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
12	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
13	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
14	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
15	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
16	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,06 mg/L
17	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
18	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	1,7 µg/L
19	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	0,5 µg/L
20	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
21	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3112B:2017	0,25 µg/L
22	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	3 µg/L
23	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	SMEWW 3500-Cr,B:2017	2 µg/L
24	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
25	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.06573.2	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
1.	pH ^(*) (a)	--	6,8	--	6,5 - 8,5
2.	DO ^(*)	mg/L	5,7	--	≥ 6,0
3.	TSS ^(*) (a)	mg/L	22	--	≤ 25
4.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	5	--	≤ 4
5.	COD ^(*) (a)	mg/L	13	--	≤ 10
6.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	0,84	0,3	--
7.	Nitrit (N-NO ₂ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,05	--
8.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,45	--	--
9.	Phosphate (P-PO ₄ ³⁻) ^(*) (a)	mg/L	<0,09	--	--
10.	Cyanua (CN ⁻) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,01	--
11.	Clorua (Cl ⁻) ^(*) (a)	mg/L	14,2	250	--
12.	Florua (F ⁻) ^(*) (a)	mg/L	0,08	1	--
13.	Sắt (Fe) ^(*) (a)	mg/L	2,3	0,5	--
14.	Mangan (Mn) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
15.	Đồng (Cu) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
16.	Kẽm (Zn) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,5	--
17.	Niken (Ni) ^(*) (a)	mg/L	KPH	0,1	--
18.	Chì (Pb) ^(*) (a)	µg/L	10,4	20	--

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT	
			HA.24.06573.2	Bảng 1	Bảng 2 Mức A
19.	Cadimi (Cd) ^(*) (a)	µg/L	KPH	5	--
20.	Asen (As) ^(*) (a)	µg/L	KPH	10	--
21.	Thủy ngân (Hg) ^(*) (a)	µg/L	KPH	1	--
22.	Tổng Crom ^(*) (a)	µg/L	25,7	50	--
23.	Crom (VI) ^(*) (a)	µg/L	<0,006	10	--
24.	Tổng dầu mỡ ^(*) (a)	mg/L	<0,9	5,0	--
25.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	KPH	--	1.000

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

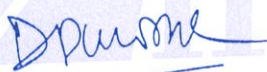
^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phụng



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PHỤ LỤC: CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI



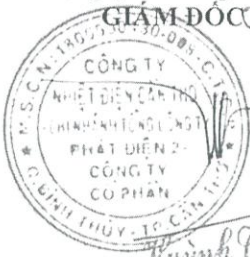
BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Số : /2024/CTGN-AH
Ngày 31/1/2024



1. Tên chủ nguồn thải : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN Địa chỉ văn phòng : 04 Lê Hồng Phong, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam Cơ sở phát sinh : ☒ Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I, Khu vực Thới Lợi, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ Địa chỉ cơ sở 2 : ☒ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ, Số 01, Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ Địa chỉ cơ sở 3 : ☐ Khu Quản lý vận hành sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khu vực I, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ						Mã số QLCT ĐT 0292 2482782 ĐT	
2. Chủ hành nghề QLCTNH : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN HUY Địa chỉ văn phòng : Ấp Suối Bình, Xã Đồng Tiễn, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước Địa chỉ nhà máy : Ấp Suối Bình, Xã Đồng Tiễn, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước						Mã số QLCT : 1-2-3-4-5-6 113 VX ĐT 0271.6511139 ĐT 0271.6511139	
Phương tiện vận chuyển số : 93C - 08292							
3. Kể khai CTNH chuyển giao							
STT	Tên chất thải / hàng hóa	Trạng thái	Mã chất thải	Đơn vị	Số lượng	Phương án	
1	Tro bay và bụi lò hơi có dầu (chỉ áp dụng trong trường hợp sử dụng nhiên liệu mặc định là dầu, không áp dụng nếu chỉ dùng dầu để khởi động)	Rắn	04 01 01	Kg		TĐ	
2	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	Kg		HR,DK	
3	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	Kg		HR,DK	
4	Vật liệu cách nhiệt có chứa amiang thải	Rắn	11 06 01	Kg	108	DK	
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Kg	44	PD,PT,HR	
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	16 01 13	Kg		PD,PT,TC	
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	Kg		PT,TC,TĐ	
8	Bao bì mềm (đã chứa chất thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	18 01 01	Kg		TĐ	
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải là chất thải nguy hại hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	Kg	38	SR,TC,TĐ	
10	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	18 01 03	Kg		SR,TC,TĐ	
11	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	Kg		TĐ	
12	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần chất thải nguy hại.	Rắn	18 02 01	Kg	420	TĐ	
13	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	19 05 02	Kg		TĐ,XLN	
14	Pin, Ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	Kg	175	PD,PT,TC	
15	Chất thải lẫn dầu	Rắn	19 07 01	Kg		TĐ,XLN	
16	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	Kg		TĐ	
* Ghi lần lượt (ký hiệu) các phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng CTNH. Thu hồi tài chế (TC), trung hòa (TH), Phân tách/chiết/lọc.. (PT); Oxy hoá (OH); Kết tủa (KT); hoá rắn/ổn định hoá/thủy tinh hoá.. (HR); Lò đốt chuyển dụng (TĐ), Sinh học (SH), Chôn lấp (CL), Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
4. Xác nhận việc niêm phong phương tiện vận chuyển : SEAL Số Chữ ký							
5. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CNTH như kê khai ở mục 3							
6. Xác nhận của đại diện chủ nguồn thải						7. Xác nhận của đại diện vận chuyển, xử lý	

THÀNH PHẦN CHẤT THẢI

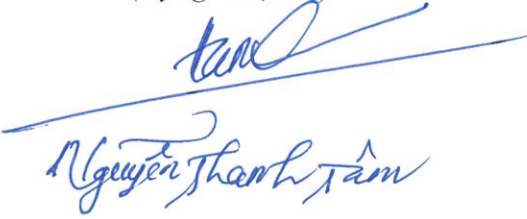
TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: -NDCT/ 2024/1-2-3-4-5-6.113VX					
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN HUY Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.113VX Địa chỉ văn phòng: Ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT: 0271.6511 139 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT: 0271.6511 139							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): Địa chỉ văn phòng:ĐT: Địa chỉ cơ sở							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ -CN-TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2-CÔNG TY CỔ PHẦN Mã số QLCTNH: 92.000050.Tx Địa chỉ văn phòng: 01 Lê Hồng Phong, P Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp Cần Thơ, Việt NamĐT: 0292 2482782 Cơ sở phát sinh: Nhà Máy Nhiệt Điện Cần Thơ , Số 01, Lê Hồng Phong, P Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp Cần Thơ							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Vật liệu cách nhiệt có chứa amiang thải	x			11 06 01	108	ĐK
2.	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	44	HTXLBĐ
3.	Bao bì kim loại cứng thải	x			18 01 02	38	SR,NT,TC
4.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc	x			18 02 01	420	TĐ
5.	Pin, ắc quy chì thải	x			16 01 12	175	PD,PT,TC
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C08292							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH1: Danh Hoàng Việt Ký:.....Ngày:03/07/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH2:Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Cần Thơ, ngày 03 tháng 07 năm 2024  Huỳnh Thanh Phong				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bình Phước, ngày tháng năm 2024 GIÁM ĐỐC KINH DOANH NGUYỄN ĐỨC TOÀN			
@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú : ...(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: -NDCT/ 2024/1-2-3-4-5-6.113VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN HUY Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.113VX Địa chỉ văn phòng: Ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT: 0271.6511 139 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Suối Bình, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình PhướcĐT: 0271.6511 139							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 : Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở							
Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ -CN-TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2-CÔNG TY CỔ PHẦN Mã số QLCTNH: 92.000050.Tx Địa chỉ văn phòng: 01 Lê Hồng Phong, P Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp Cần Thơ, Việt NamĐT: 0292 2482782 Cơ sở phát sinh: Nhà Máy Nhiệt Điện Cần Thơ , Số 01, Lê Hồng Phong, P Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp Cần Thơ							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Vật liệu cách nhiệt có chứa amiang thải	x			11 06 01	108	ĐK
2.	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	44	HTXLBD
3.	Bao bì kim loại cứng thải	x			18 01 02	38	SR,NT,TC
4.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc	x			18 02 01	420	TĐ
5.	Pin, ắc quy chì thải	x			16 01 12	175	PD,PT,TC
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C08292							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH1: Danh Hoàng Việt Ký:.....Ngày:03/07/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH2:Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Cần Thơ, ngày 03 tháng 07 năm 2024 				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bình Phước, ngày 15 tháng 07 năm 2024 GIÁM ĐỐC KINH DOANH  NGUYỄN ĐỨC TOÀN			
@ Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú : ...(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

PHỤ LỤC: BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT



BIÊN BẢN BẢO GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BẢO GIAO CTRSH Số: 01/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2,544	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 31 tháng 01 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Nguyễn Thanh Tâm		Cần Thơ, ngày 31 tháng 01 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Thiệp	

90
ĐN
ĐI
NH
AT
CỐ
TỔ
TƯ

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 01/2024 (NMND Cần Thơ)

Stt	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	03/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	
2	08/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895, 65C 01895	
3	10/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	
4	15/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	
5	19/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	
6	22/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	
7	26/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	65C 01895
8	29/01/24	0,318 m	<i>Nguyễn Nam</i>		65C 01895	
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 02/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2,226	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên) 		Cần Thơ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên) 	

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 02/2024 (NMND Cần Thơ)

Sst	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Kí, ghi họ tên)	Bên nhận (Kí, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	02-02-24	0,318 m	Cty NĐ Cơ Nhuê	CTĐT Hai	65C01895	
2	05-02-24	0,318 m ³	Nhuê Hùng	CTĐT Hai	65C01895	
3	07-02-24	0,318 m ³	Thị Dà	CTĐT Hai	65C01895	
4	16-02-24	0,318 m ³	Thị Dà	CTĐT Hai	65C01895	
5	19-02-24	0,318 m ³	Thị Dà	CTĐT Hai	65C01895	
6	23-02-24	0,318 m ³	Thị Dà	CTĐT Hai	65C01895	
7	26-02-24	0,318 m ³	Nhuê Hùng	CTĐT Hai	65C01895	
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 03/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2,544	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 01 tháng 04 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Nguyễn Văn Nguyễn		Cần Thơ, ngày 01 tháng 04 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Hiệp	

BẢNG KẾ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RÃN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 03 /2024 (NMND Cần Thơ)

Stt	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	01/03/24	0,318 m	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
2	04/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
3	07/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
4	11/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
5	13/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
6	18/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
7	22/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
8	25/03/24	0,318	Nguyễn Văn Tiến	Thị Ngọc Lan	65C 01895	
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

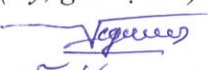
**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BẢO GIAO CTRSH Số: 04/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,59	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 02 tháng 05 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Hô Anhank Dư		Cần Thơ, ngày 02 tháng 05 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Tiệp	

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 04/2024 (NMNĐ Cần Thơ)

Sst	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	02/04/24	0,318 m			65.01895	
2	04/04/24	0,318 m			65.01895	
3	08/04/24	0,318 m			65.01895	
4	15.04.24	0,318 m			65.01895	6'20' - 6'40'
5	22.04.24	0,318 m			65.01895	64'00 - 64'15
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

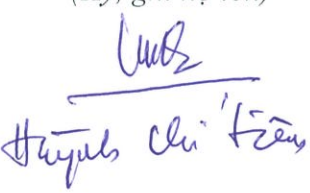
BIÊN BẢN BẢO GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BẢO GIAO CTRSH Số: 05/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,908	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 31 tháng 05 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Nguyễn Văn Nguyễn		Cần Thơ, ngày 31 tháng 05 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Mr. Thiep	

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 05 /2024 (NMND Cần Thơ)

Stt	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1		0,318 m				
2	03.05.24	0,318 m ³	Nguyễn Đình Hưng	CTĐT	65E01895	645-7001
3	06.05.24	0,318 m ³	Nguyễn Đình Hưng	CTĐT	65E01895	645-6430
4	13.05.24	0,318 m ³	Nguyễn Đình Hưng	"	65E01895	645-8430
5	17.05.24	0,318 m ³	Nguyễn Đình Hưng	"	65E01895	645-8430
6	24.05.24	0,318 m ³	Nguyễn Đình Hưng	CTĐT	65E01895	645-8430
7	24.05.24	0,318 m ³	Nguyễn Đình Hưng	CTĐT	65E01895	645-8430
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 06/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,908	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 01 tháng 07 năm 2024. Bên giao (Ký, ghi họ tên) 		Cần Thơ, ngày 01 tháng 07 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên) 	

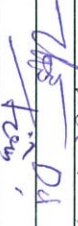
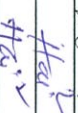
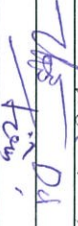
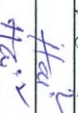
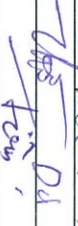
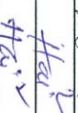
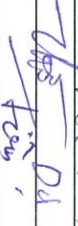
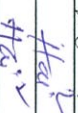
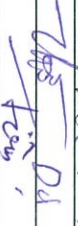
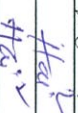
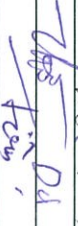
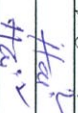
BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẢN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 06/2024 (NMND Cần Thơ)

Stt	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1		0,318 m				
2	03/6/2024	0,348	<i>Thư Đà</i>	CTĐĐ Thu	65C 01895	645-645
3	07.06.24	0,318	<i>Thư Hùng</i>	CTĐĐ T	65C01895	740-740
4	10/06/24	0,318	<i>Thư Đà</i>	CTĐĐ T	65C 01895	740-740
5	14-06-24	0,318	<i>Thư Hùng</i>	CTĐĐ T	65C01895	740-740
6	14-06-24	0,318	<i>Thư Hùng</i>	CTĐĐ T	65C01895	740-740
7	16-06-24	0,318	<i>Thư Hùng</i>	CTĐĐ T	65C01895	740-740
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

30.
TY
AN
VSC
N
TY
AN
P.C

Số	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	01/07/2024	0,318 m	 Da	 Hai	65C 01899	
2	06.07.24	4	 Hai	 Hai	65C 01895	
3	11.07.24	4	 Hai	 Hai	65C 01895	
4	15.07.24	4	 Hai	 Hai	65C 01895	
5	24/7/24	11	 Hai	 Hai	65C 01895	
6	26/07/24	11	 Hai	 Hai	65C 01895	
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

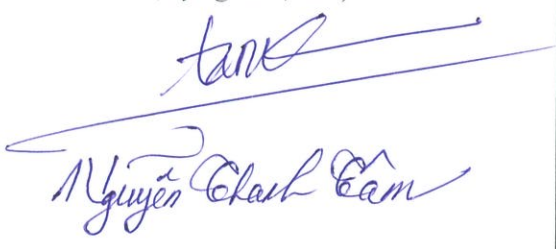
**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 08/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2,544	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 04 tháng 08 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Nguyễn Quốc Hưng		Cần Thơ, ngày 04 tháng 08 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Th. Hiệp	

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RÀN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 08 /2024 (NMND CẤP THỊ TRƯỜNG)

Stt	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	02/08/24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
2	02/08/24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
3	09/08/24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
4	14-08-24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
5	16-08-24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
6	21-08-24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
7	23.08.24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
8	26/08/24	0,318 m	Nguyễn Văn Hùng	Hải	65C01895	
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 09/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,908	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 01 tháng 10 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Nguyễn Thanh Tâm		Cần Thơ, ngày 01 tháng 10 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Hiệp	

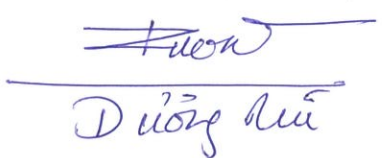
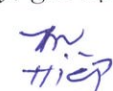
24
IG
N
T
IG
PH,
T

11/07/2024
TH
NG
2
N.A.

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RÁC SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 09/2024 (NMND Cần Thơ)

Sst	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1	04-09-2024	0,318 m	Nguyễn Văn Thanh	Hải	65 ^c .01895	7 ^h 45' - 8 ^h 00'
2	10-09-24	0,318 m	Nguyễn Văn Thanh	Hải CĐT	65 ^c .01895	7 ^h 45' - 8 ^h 00'
3	16-09-24	0,318 m ³	Nguyễn Văn Thanh	Hải CĐT	65 ^c .01895	5 ^h 15' - 5 ^h 25'
4	18-09-24	0,318	Nguyễn Văn Thanh	Hải CĐT	65 ^c .01895	8 ^h 05' - 8 ^h 35'
5	23-09-24	0,318	Nguyễn Văn Thanh	Hải CĐT	65 ^c .01895	5 ^h 15' - 6 ^h 00'
6	27-09-24	0,318	Nguyễn Văn Thanh	Hải CĐT	65 ^c .01895	6 ^h 10' - 6 ^h 40'
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 10/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	1,908	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 31 tháng 10 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Dương Anh		Cần Thơ, ngày 31 tháng 10 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Thị	

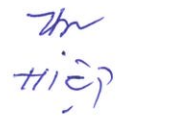


Ngày: 10/10/2024

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 10/2024 (NMND Cần Thơ)

Stt	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1		0,318 m				
2	04/10/24	11	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Thái Văn Hải</i>	65 519 95	
3	08-10-24	4	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Thái Văn Hải</i>	65 519 95	
4	11/10/24	11	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Thái Văn Hải</i>	65 519 95	
5	14-10-24	11	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Thái Văn Hải</i>	65 519 95	545' - 650'
6	25-10-24	11	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Thái Văn Hải</i>	65 519 95	
7	30-10-24	11	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Thái Văn Hải</i>	65 519 95	
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN GIAO CTRSH Số: 11/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m ³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2,544	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 29 tháng 11 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên) 		Cần Thơ, ngày 29 tháng 11 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên) 	

ĐI

BẢNG KÊ CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RÃN SINH HOẠT HÀNG NGÀY
TRONG THÁNG 11 /2024 (NMND Cần Thơ)

Sit	Ngày	Khối lượng chuyển giao	Bên giao (Ký, ghi họ tên)	Bên nhận (Ký, ghi họ tên)	Phương tiện	Ghi chú
1		0,318 m				
2	01/11/24	11	Nguyễn Văn A	Thị A	65C 01895	Ước 06945
3	06/11/24	11	Nguyễn Văn B	Thị B	65C 01895	Ước 01895
4	11/11/24	11	Nguyễn Văn C	Thị C	65C 01895	Ước 01895
5	13-11-24	45	Nguyễn Văn D	Hải	65C 01895	Ước 01895
6	18.11.24	11	Nguyễn Văn E	Thị E	65C 01895	Ước 01895
7	21.11.24	11	Nguyễn Văn F	Thị F	65C 01895	Ước 01895
8	24.11.24	11	Nguyễn Văn G	Thị G	65C 01895	Ước 01895
9	29-11-24	11	Nguyễn Văn H	Thị H	65C 01895	Ước 01895
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						
23						
24						
25						
26						
27						
28						
29						
30						
31						

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT (CTRSH)
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ**

TỈNH/THÀNH PHỐ Cần Thơ		BIÊN BẢN BẢO GIAO CTRSH Số: 12/2024/BBBG-CTRSH	
1. Bên giao: Công ty Nhiệt điện Cần Thơ Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ Địa chỉ văn phòng: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.2468.079 Fax: 0292.2468.069 Địa chỉ Cơ sở: Số 1 Lê Hồng Phong, P.Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ			
2. Bên nhận: Công ty CP Đô thị Cần Thơ Số 05, đường Võ Thị Sáu, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 02923 822526 Địa chỉ cơ sở xử lý: KV Thới Trinh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP Cần Thơ (Cty TNHH MTV ECOTECH CẦN THƠ) ĐT: 02923 601862			
3. Khối lượng: CTRSH chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH chuyển giao (m³)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt	2,226	
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất đề kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2024 Bên giao (Ký, ghi họ tên)  Thùy Chi Lê		Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2024 Bên nhận (Ký, ghi họ tên)  Thị Cép	





ISO/IEC 17025

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

Số: 172903/MT/052903/24

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 09/04/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 1 (Tại vị trí cửa xả số 1 - Nước thải sinh hoạt)
Tọa độ: 0578655/1116522
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 29/03/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 29/03/2024 đến 07/04/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 052903
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h00 - 09h00 ngày 29/03/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,92 (tại 29,0°C)	5,5 - 9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	16	36
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	21,00	60
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,38	6
5	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,06 ^(a)	1,2
6	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,85	36
7	Hàm lượng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,09	7,2
8	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	12

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 14 : 2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, K=1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



ISO/IEC 17025

TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ
Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City
Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn
Website: catech.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 043005/MT/013005/24

Ngày: 14/06/2024
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 1 (Tại vị trí cửa xả số 1 - Nước thải sinh hoạt)
Tọa độ: 0578655/1116522
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/05/2024
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/05/2024 đến 12/06/2024
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 013005
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 07h30 - 08h40 ngày 30/05/2024 tại Nhà máy Nhiệt Điện Cần Thơ - Số 01, đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,95 (tại 28,8°C)	5,5 - 9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	12	36
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	11,00	60
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	< 2,10 ^(a)	6
5	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,06 ^(a)	1,2
6	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,89	36
7	Hàm lượng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,08	7,2
8	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 2,70 ^(a)	12

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - ^(a) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (*) QCVN 14 : 2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, K=1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp KQTN trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.